

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 8 - 2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trường Xuân Mâu và ông Mai Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 104/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1993; CCCD số 044193005529; nơi cư trú: thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã B, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Quang S, sinh ngày 16/11/1989, số CMND: 194364219; địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã B, tỉnh Quảng Trị); hiện trú tại: CHLB Đức, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 24/3/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Chị và anh Lê Quang S có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 20/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung hòa thuận, sống hạnh phúc. Đến năm 2019 anh S xuất khẩu lao động sang CHLB Đức. Lúc mới sang anh S cũng thường xuyên liên lạc điện thoại hỏi han, quan tâm đến vợ con và gửi tiền về cho chị để lo lắng cho con. Đến năm 2022, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không có quan điểm và tiếng nói chung, anh S có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị T đã nhiều lần khuyên can anh S để vợ

chồng trở lại sống hòa thuận, hạnh phúc vì con nhưng anh S không đồng ý. Từ đó mỗi khi vợ chồng liên lạc điện thoại với nhau thì có lời nói xúc phạm, thiếu tôn trọng nhau, có khi còn cãi vã nhau căng thẳng, làm tổn thương tình cảm vợ chồng, nên hai bên không liên lạc gì cho nhau nữa. Hiện nay, chị T thấy vợ chồng đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Lê Quang S để ổn định cuộc sống bản thân và nuôi dạy con chung. Chị T có ý kiến đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Phương T, sinh ngày 07/5/2017. Từ khi sinh ra cho đến nay con đều sống với chị T và được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, chị T là giáo viên mầm non, có thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng 9.000.000 đồng nên có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Hơn nữa, hiện nay anh S đang làm ăn sinh sống ở nước ngoài, chưa biết khi nào về Việt Nam. Từ năm 2022 cho đến nay anh S không gửi tiền về cho chị T để chăm sóc, lo lắng cho con chung, nhưng chị T vẫn quan tâm lo lắng cho con cuộc sống sinh hoạt và học tập đảm bảo. Vì vậy, sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Lê Phương T, sinh ngày 07/5/2017. Cháu là con của mẹ Nguyễn Thị Lệ T và ba Lê Quang S. Hiện cháu đang sống với mẹ và được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Mẹ đang làm thủ tục ly hôn với ba cháu tại Tòa án. Nếu ba mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Bị đơn anh Lê Quang S hiện đang làm việc và cư trú tại nước ngoài. Sau khi thụ lý vụ án, do không có địa chỉ cụ thể của anh S tại CHLB Đức. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi anh S cư trú trước khi xuất cảnh và tổng đạt trực tiếp cho người thân của anh S. Có văn bản gửi Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức yêu cầu tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán CHLB Đức, về các nội dung liên quan đến việc chị Nguyễn Thị Lệ T xin ly hôn anh Lê Quang S. Ngày 23/7/2025, Tòa án có Công văn số 194/TAND-CV gửi Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho anh Lê Quang S đang cư trú tại CHLB Đức, về việc chị Nguyễn Thị Lệ T xin ly hôn anh Lê Quang S tại Tòa án và Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) đã đăng tin 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, nhưng đến nay Tòa án không nhận được bất cứ thông tin phản hồi hoặc lời khai từ bị đơn anh Lê Quang S. Tòa án đã ra thông báo thay đổi thời gian xét xử. Ngày 12/8/2025, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh S vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 18/6/2025, bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của anh Lê Quang S) trình bày: Con trai bà là anh Lê Quang S và chị Nguyễn Thị Lệ T tự tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Vh, huyện B, tỉnh Quảng

Bình (Nay là xã B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 20/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng S, T về chung sống cùng bà T. Đến năm 2019, vợ chồng S, T bàn bạc để anh S đi xuất khẩu lao động nước ngoài. Sau đó chị T đưa con về nhà ngoại sống. Vợ chồng S, T có mâu thuẫn gì thì bà không biết. Chị T có báo với bà là chị T làm đơn xin ly hôn anh S. Hiện anh S đang lao động tại CHLB Đức, địa chỉ cụ thể bà không rõ. Khi anh S gọi điện về thăm hỏi, bà đã báo cho anh S biết việc chị T làm đơn xin ly hôn. Anh S có kể là đã khuyên nhủ chị T đưa con về nhà nội sống để anh S cố gắng kiếm thêm tiền ít năm nữa rồi sẽ về để vợ chồng xây nhà, sinh thêm con nhưng chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh S đành chịu, chị T muốn làm gì thì làm. Bà T không có ý kiến gì. Quá trình chung sống vợ chồng T, S có 01 con chung cháu Lê Phương T, sinh ngày 07/5/2017, hiện đang sống với chị T. Việc nuôi con sau ly hôn như thế nào là do vợ chồng S, T tự bàn bạc, giải quyết, bà không có ý kiến gì. Vợ chồng S, T không có tài sản chung và cũng không có nợ chung. Là bậc cha mẹ, bà T mong muốn con cái đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc, tuy nhiên các con đã trưởng thành, các con tự quyết định.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Lệ T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Bị đơn anh Lê Quang S vắng mặt không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Quang S vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lệ T, xử cho chị T được ly hôn anh Lê Quang S; về con chung: Giao cháu Lê Phương T, sinh ngày 07/5/2017 cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị; Về tài sản và nợ chung: đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Lệ T có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Lê Quang S đang làm ăn, sinh sống tại nước ngoài, theo thông tin cung cấp của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh thì anh S đã xuất cảnh ngày 23/02/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Đây là vụ án có bị đơn là Công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d

khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại các Điều 123, 127 luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, do không có địa chỉ cụ thể của anh S tại CHLB Đức. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi anh S cư trú trước khi xuất cảnh và tổng đạt trực tiếp cho người thân của anh S. Có văn bản gửi Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức yêu cầu tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán CHLB Đức, về các nội dung liên quan đến việc chị Nguyễn Thị Lệ T xin ly hôn anh Lê Quang S. Ngày 23/7/2025, Tòa án có Công văn số 194/TAND-CV gửi Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho anh Lê Quang S đang cư trú tại CHLB Đức, về việc chị Nguyễn Thị Lệ T xin ly hôn anh Lê Quang S tại Tòa án và Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) đã đăng tin 03 lần trong 03 ngày liên tiếp quy định tại các Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đến nay không nhận được bất cứ ý kiến, yêu cầu từ bị đơn anh Lê Quang S đối với yêu cầu của chị T. Vì vậy, Tòa án đã ra thông báo thay đổi thời gian xét xử. Ngày 12/8/2025, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh S vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ các Điều 228 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Lê Quang S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 20/10/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hòa thuận, sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ anh S. Đến năm 2019 anh S xuất khẩu lao động sang CHLB Đức. Thời gian đầu mới qua Đức, anh S thỉnh thoảng còn điện thoại liên lạc về hỏi han, quan tâm đến vợ con và gửi tiền về cho chị T để lo lắng cho gia đình. Đến năm 2022, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không có cùng quan điểm và tiếng nói chung, anh S có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị T đã nhiều lần khuyên can anh S để vợ chồng trở lại sống hòa thuận, hạnh phúc vì con nhưng anh S không đồng ý. Từ đó mỗi khi vợ chồng liên lạc điện thoại với nhau thì có lời nói xúc phạm, thiếu tôn trọng nhau, có khi còn cãi vã nhau căng thẳng, làm tổn thương tình cảm vợ chồng, từ đó hai bên không liên lạc gì cho nhau. Hiện nay, chị T thấy vợ chồng đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Lê Quang S; còn anh S đã được chị T thông báo cho anh biết việc chị T xin ly hôn anh tại Tòa án bằng hình thức nhắn tin qua Zalo và được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, thông báo qua kênh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam VOV5 và niêm yết văn bản tố tụng tại địa phương nơi anh S cư trú trước khi xuất cảnh, tổng đạt trực tiếp cho người thân gia đình anh và tại Tòa án, nên anh S đã biết việc chị T xin ly hôn anh tại Tòa án, nhưng anh để mặc chị T muốn làm gì thì làm và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Thể hiện, anh S không còn quan tâm gì đến chị T và gia đình, người nào lo và biết công việc của người đó. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy

mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lệ T xin được ly hôn anh Lê Quang S là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Xét ý kiến, yêu cầu của chị T và con chung, thấy. Sau khi anh S đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ chị sinh sống và học tập. Từ năm 2022 đến nay anh S cũng ít khi gửi tiền về cho chị T để lo lắng cho con chung, nhưng chị T cũng lo lắng chăm sóc, nuôi dưỡng cho con đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học tập. Con cũng đã sinh hoạt và học tập ổn định cùng chị T đã lâu, nên có nguyện vọng được sống cùng chị T nếu bố mẹ ly hôn. Ngoài ra, chị T là giáo viên mầm non, có thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng 9.000.000 đồng, nên có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo quyền lợi ích của con chung; còn anh S hiện nay đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài, chưa biết khi nào về Việt Nam nên khó có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nên chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và tự nguyện không yêu cầu anh S đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao con chung cháu Lê Phương T, sinh ngày 07/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Lệ T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không buộc anh Lê Quang S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T (do chị T tự nguyện không yêu cầu) là phù hợp với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, ý kiến nguyện vọng của chị T và con chung, điều kiện thực tế của các bên và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 228, 469, 474, 475; điểm b khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn anh Lê Quang S. Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Lê Quang S chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Phương T, sinh ngày 07/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Lệ T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không buộc anh Lê Quang S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T (do chị T tự nguyện không yêu cầu).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số 0005373 ngày 18/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị), chị T đã nộp đủ.

4. Chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 4.856.000 đồng tiền chi phí tố tụng (bao gồm 2.606.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 2.250.000 đồng chi phí đăng VOV). Số tiền này chị T đã nộp đủ và chi phí hết.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lê Quang S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Bồ Trạch, T.Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Dương Viết Hải